BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN LAI VUNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

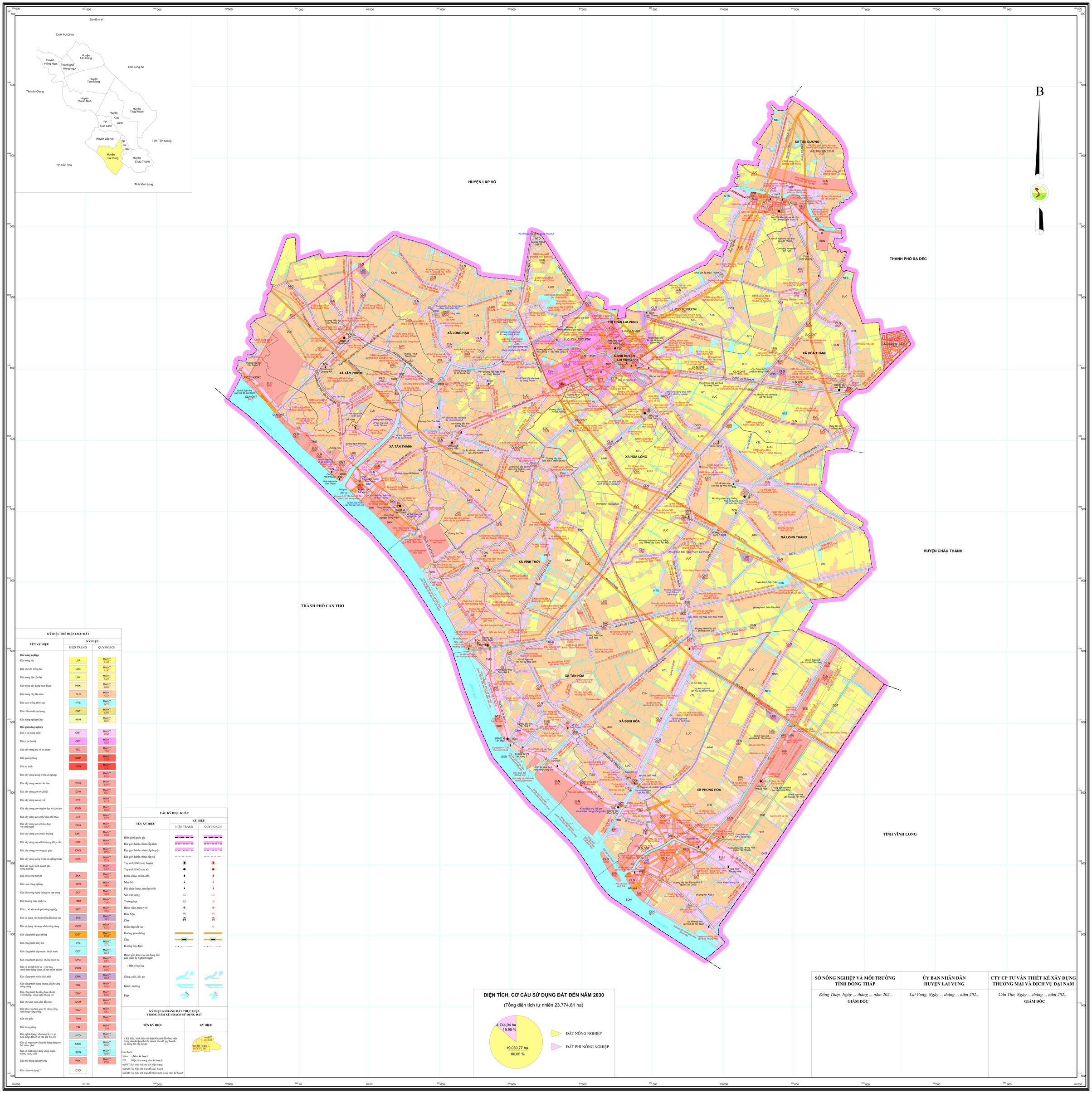

KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Đất nông nghiệp		
Đất trồng lúa	LUA	MÀ HT LUA
Đất chuyên trồng lúa	LUC	MÀ HT LUC
Đất trồng lúa còn lại	LUK	MÀ HT LUK
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	MÀ HT HNK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	MÀ HT CLN
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	MÀ HT NTS
Đất chăn nuôi tập trung	CNT	MÀ HT CNT
Đất nông nghiệp khác	NKH	MÀ HT NKH
Đất phi nông nghiệp		
Đất ở tại nông thôn	ONT	MÀ HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	MÀ HT ODT
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	MÀ HT TSC
Đất quốc phòng	CQP	MÀ HT CQP
Đất an ninh	CAN	MÀ HT CAN
Đất xây dựng công trình sự nghiệp		MÀ HT DSN
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	MÀ HT DVH
Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	MÀ HT DXH
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	MÀ HT DYT
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	MÀ HT DGD
Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	MÀ HT DTT
Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	MÀ HT DKH
Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	MÀ HT DMT
Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	MÀ HT DKT
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	MÀ HT DNG
Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	MÀ HT DSK
Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		MÀ HT CSK
Đất khu công nghiệp	SKK	MÀ HT SKK
Đất cụm công nghiệp	SKN	MÀ HT SKN
Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	MÀ HT SCT
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	MÀ HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	MÀ HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	MÀ HT SKS
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	MÀ HT CCC
Đất công trình giao thông	DGT	MÀ HT DGT
Đất công trình thủy lợi	DTL	MÀ HT DTL
Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	MÀ HT DCT
Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	MÀ HT DPC
Đất di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	MÀ HT DDD
Đất công trình xử lý chất thải	DRA	MÀ HT DRA
Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	MÀ HT DNL
Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	MÀ HT DBV
Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	MÀ HT DCH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	MÀ HT DKV
Đất tôn giáo	TON	MÀ HT TON
Đất tín ngưỡng	TIN	MÀ HT TIN
Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	MÀ HT NTD
Đất có mặt nước chuyên dùng đựng ao, hồ, đầm, phá	MNC	MÀ HT MNC
Đất có mặt nước đựng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	MÀ HT SON
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	MÀ HT PNK
Đất chưa sử dụng *	CSD	

CÁC KÝ HIỆU KHÁC

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
Biên giới quốc gia		
Địa giới hành chính cấp tỉnh		
Địa giới hành chính cấp huyện		
Địa giới hành chính cấp xã		
Trụ sở UBND cấp huyện		
Trụ sở UBND cấp xã		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Đài phát thanh, truyền hình		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Chợ		
Điểm tập kết rác		
Đường giao thông		
Cầu		
Đường dây điện		
Ranh giới khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt: + Đất trồng lúa		
Sông, suối, hồ, ao		
Kênh, mương		
Đập		

KÝ HIỆU KHOANH ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU
+ Ký hiệu, hình thức thể hiện khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch trên nền là bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện Giải thích: Năm ... : Năm kế hoạch DT Diện tích trong năm kế hoạch mã HT: ký hiệu mã loại đất hiện trạng mã QH: ký hiệu mã loại đất quy hoạch mã KH: ký hiệu mã loại đất thực hiện trong năm kế hoạch	mã HT mã KH Năm DT mã HT mã QH

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 23.774,81 ha)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG	CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI NAM
Đồng Tháp, Ngày ... tháng ... năm 202...	*Lai Vung, Ngày ... tháng ... năm 202...*	*Cần Thơ, Ngày ... tháng ... năm 202...*
GIÁM ĐỐC		**GIÁM ĐỐC**

NGUỒN TÀI LIỆU:

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lai Vung
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lai Vung

TỶ LỆ 1 : 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Đại Nam